

Bản án số: 18/2025/HC-PT

Ngày: 09/01/2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính và hành vi hành chính trong  
lĩnh vực quản lý đất đai*”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Việt Hà;

**Các Thẩm phán:** Ông Ong Thân Thắng;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 447/2024/HC-PT ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 72/2024/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14157/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

\* **Người khởi kiện:** Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; ông C có mặt, bà V vắng mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V:** Luật sư Phạm Ngọc M, Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số F khu N, HC G, phố H, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt.

\* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số A đường H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng;

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Bùi Tuấn M1, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn B, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện nhận ngày 28/12/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung nhận ngày 01/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:*

Năm 1992, ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V đã mua đầm nuôi trồng thủy sản có diện tích khoảng 10.000m<sup>2</sup> tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C thành phố Hải Phòng từ ông Đỗ An Đ. Hàng năm, ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V vẫn nộp cho ông Đỗ An Đ số tiền 2.400.000 đồng/ha/năm để ông Đ nộp lại cho Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện C. Bên cạnh đó, ông Phạm Văn P (trú tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng) được giao khoảng 405.000m<sup>2</sup> diện tích đầm (đầm T). Theo thỏa thuận giữa ông Phạm Văn P và ông Đỗ An Đ, mỗi người quản lý, sử dụng ½ diện tích đầm, hồ nêu trên (khoảng 200.000m<sup>2</sup>). Ngoài ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị V, có nhiều hộ gia đình cùng mua đầm và sử dụng để nuôi trồng thủy sản như ông Trần Đức V1, ông Đoàn Đức T... Diện tích đất nuôi trồng thủy sản mà đã mua được ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị V sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1992 đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

Năm 2012, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường Ô - L, gia đình ông bà bị thu hồi 2.000m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản trong tổng số 10.000 m<sup>2</sup> nêu trên (số liệu do Nhà nước đo là 12.780,7m<sup>2</sup>). Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng đường Ô - L, hộ gia đình ông Phạm Văn B (là con trai của ông Phạm Văn P) được xác định là người có đất bị thu hồi, hộ gia đình ông C, bà V và các hộ gia đình khác sử dụng đất (mua lại) được xác định là người có quyền lợi liên quan. Gia đình ông C, bà V chỉ được bồi thường các tài sản có trên đất với tổng số tiền bồi thường là 65.850.000 đồng và không được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 2.000 m<sup>2</sup> đất bị thu hồi. Phần diện tích còn lại, gia đình tiếp tục sử dụng cho tới thời điểm Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Dự án Deep C III) năm 2017.

Năm 2015, ông Đỗ An Đ chết, ông Phạm Văn B tự ý bán diện tích 10.780,7 m<sup>2</sup> mà ông C, bà V đang sử dụng cho ông Vũ Văn T1 (trú tại tổ dân phố L, huyện C, thành phố Hải Phòng) với số tiền 80.000.000 đồng.

Năm 2017, UBND huyện C thu hồi đất để thực hiện Dự án Deep C III, thu hồi 10.780,7m<sup>2</sup> đất còn lại của gia đình ông C, bà V nhưng trong các Quyết định về việc thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và Phương án bồi thường kèm theo không có tên của hộ gia đình ông bà và ông bà không nhận được các Quyết định nêu trên.

Năm 2021, ông C, bà V biết được các hộ dân mua đầm và sử dụng để nuôi trồng thủy hải sản sát với hộ gia đình ông bà như hộ ông Trần Đức V1, hộ ông Đoàn Đức T... đều được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Ông C, bà

V nhiều lần đề nghị UBND huyện C xem xét, giải quyết quyền lợi của ông bà theo quy định của pháp luật; tuy nhiên UBND huyện C kết luận ông bà không còn sử dụng đất, không trực tiếp nuôi trồng thủy sản trên diện tích đất bị thu hồi.

Do đó, ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ Thông báo số 1555/TB-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện C về giải quyết đơn kiến nghị của ông Đỗ Văn C;

- Buộc UBND huyện C thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V theo quy định của pháp luật.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND huyện C trình bày:*

*Về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông Đỗ Văn C:* Trước năm 1990, hồ T nằm trên địa phận thị trấn C và xã Đ, là hồ trữ nước phục vụ sản xuất muối và tiêu thoát nước cho địa phương. Ngày 04/4/1990, UBND huyện C ban hành Quyết định số 143/QĐ-UB thành lập Ban Quản lý thầu đầm hồ huyện với chức năng trực tiếp ký kết các hợp đồng đấu thầu đầm hồ và theo dõi, quản lý quá trình thực hiện hợp đồng.

Năm 1990, ông Phạm Văn P, ông Đỗ An Đ là người thị trấn Cát H đề nghị UBND huyện C ký hợp đồng cho thuê đầm Trung Phát, tuy nhiên UBND huyện C chỉ đồng ý ký hợp đồng với một người, do đó, ông P và ông Đ đã thoả thuận, đi đến thống nhất để ông Phạm Văn P đứng tên ký hợp đồng; trên thực tế, mỗi người quản lý, sử dụng một nửa diện tích đầm đã thuê.

Ngày 11/4/1991, UBND huyện C ban hành Quyết định số 138 QĐ/UB về việc giao đầm nước lợ (đầm hồ T) cho cá nhân quản lý, sử dụng để nuôi trồng hải sản, giao ông Phạm Văn P được sử dụng 40ha mặt nước trên diện tích nước lợ đã khoanh bao thuộc khu vực đầm Trung Phát, thời hạn sử dụng là 05 năm, kể từ ngày 01/01/1991. Ngày 03/3/1995, Ban Quản lý đầm hồ huyện C ký hợp đồng giao nhận thầu hồ T - L, thị trấn C, theo đó, tiếp tục ký hợp đồng giao thầu cho ông Phạm Văn P được sử dụng đầm hồ T - Lương Năng từ ngày 30/12/1995 đến hết ngày 30/11/2003. Từ năm 2003 đến hết năm 2004, UBND huyện C không lưu giữ, không thu thập được bất kỳ tài liệu nào thể hiện việc UBND huyện C cho phép ông P tiếp tục sử dụng đầm Trung Phát. Năm 2005, Phòng T2 trực tiếp ký hợp đồng cho ông Phạm Văn P thuê đầm Trung Phát với diện tích 30.2ha, thời hạn từ năm 2005-2009.

Ngày 04/01/2010, UBND thị trấn C ký hợp đồng số 01/HĐ-UBND cho ông Phạm Văn B (là con trai của ông Phạm Văn P) thuê cơ sở mặt nước tại đầm T để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản với diện tích là 30.2ha, thời hạn từ 01/01/2010-31/12/2014. Căn cứ vào Bản đồ địa chính lập năm 2014, tổng diện tích đầm Trung Phát là 56ha, bao gồm các ô đầm nuôi trồng thủy sản và hệ thống mương số 1; UBND huyện C ban hành Thông báo số 140/TB-UBND ngày 15/7/2015 giao cho UBND xã Đ và UBND thị trấn C cùng ký hợp đồng cho ông Phạm Văn B thuê. Từ năm 2016, UBND xã Đ ký hợp đồng với ông Phạm Văn B,

diện tích cho thuê bao gồm toàn bộ các ô đầm nuôi trồng thủy sản và hệ thống thủy lợi bao xung quanh đầm là 29.25ha; UBND thị trấn C cho thuê 21.83ha; tổng diện tích đầm ông B đã thuê là 51.08ha (gồm cả phần diện tích ô đầm nuôi trồng thủy sản và diện tích ruộng số 1). Từ ngày 01/01/2017, UBND thị trấn C và UBND xã Đ tiến hành thanh lý các hợp đồng cho thuê đầm với ông Phạm Văn B; tuy nhiên không thu hồi đất tại thực địa mà vẫn để ông B và những người thuê đầm tiếp tục sử dụng đến thời điểm thu hồi đất.

Ông Đỗ Văn C được ông P, ông Đ ký hợp đồng cho thuê lại để nuôi trồng thủy sản, liên tục từ năm 1991-2016, cụ thể như sau:

+ Từ năm 1991-2009, ông C thuê lại đầm của ông Đỗ An Đ, hàng năm đóng tiền thuê đầm cho ông Đ với diện tích khoảng 01ha (Thông tin được ghi nhận tại đơn kiến nghị của ông Đỗ Văn C ngày 12/5/2013 đã được ông Đỗ An Đ xác nhận trong đơn).

+ Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2014, ông C thuê lại đầm của ông Phạm Văn B, diện tích 0.9ha: Thông tin được ghi nhận tại Hợp đồng lập ngày 04/01/2010 giữa ông Phạm Văn B và ông Đỗ Văn C.

+ Từ 01/01/2015, ông C hết hạn hợp đồng thuê lại với ông B và không được gia hạn hợp đồng, đã bàn giao lại đầm nuôi trồng thủy sản cho ông B. Do đó, ông C không sử dụng diện tích đầm nuôi trồng thủy sản từ 2015.

*Về việc thu hồi đất thực hiện Dự án và việc xem xét, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:*

Đối với Dự án đầu tư xây dựng đường Ô - L, UBND huyện C đã ban hành Quyết định về việc thu hồi đất; Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; trong đó có thu hồi phần diện tích mặt nước thuộc địa giới hành chính xã Đ do ông Phạm Văn B được thuê để nuôi trồng thủy sản và ông Đỗ Văn C là người có quyền lợi liên quan đang sử dụng thuộc ruộng số 1 (là một phần thửa đất số 01 có diện tích 12.780,7m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 12 theo Trích đo địa chính tỷ lệ 1/5.000 do Trung tâm K lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 14/5/2012 và ngày 04/4/2014). Ông C là người có tài sản trên đất bị thu hồi: đăng, đò, cọc đăng, rào lưới... với mức bồi thường thiệt hại là 65.850.000 đồng và ông C đã nhận đủ số tiền nêu trên. Tại thời điểm thực hiện thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, ông C không có ý kiến, kiến nghị nào khác.

Đối với Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, UBND huyện C đã ban hành Thông báo về việc thu hồi đất đối với ông Phạm Văn B, Quyết định về việc thu hồi đất, Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Phạm Văn B và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan (là các trường hợp đang trực tiếp sử dụng đất sản xuất nuôi trồng thủy sản trên diện tích đầm trung phát). Tại thời điểm thu hồi đất, ông C không sử dụng đất, không trực tiếp sản xuất nuôi trồng thủy sản trên phần diện tích mặt nước của ông B. Do đó, không đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

*Về quá trình xem xét, giải quyết các nội dung kiến nghị:* Ngày 23/12/2022, UBND huyện C ban hành Thông báo số 1555/TB-UBND về việc giải quyết nội dung đơn kiến nghị của ông Đỗ Văn C. Ngày 15/3/2023, UBND huyện C ban hành Thông báo số 160/TB-UBND về kết quả giải quyết đơn kiến nghị của ông Đỗ Văn C.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn B trình bày:*

Vợ chồng ông Đỗ Văn C được tận dụng, đánh bắt hải sản, khai thác trên mặt nước trên phần đầm hồ của bố ông Phạm Văn B là ông Phạm Văn P, sau đó được chuyển giao cho ông Phạm Văn B. Quá trình sử dụng, ông C đã vi phạm hợp đồng; 03 năm chưa nộp tiền phí hàng tháng. Do đó, đến năm 2016, khi ông B ký lại hợp đồng với UBND huyện C và UBND thị trấn C, ông B đã để cho người khác khai thác phần mặt nước nêu trên do không thấy ông C có ý kiến gì về việc đề nghị tiếp tục thuê. Khi ông B ký hợp đồng cho thuê với người mới là ông H1, ông C không có ý kiến tranh chấp gì, ông H1 sử dụng ổn định và ông C không còn khai thác từ năm 2014 đến nay.

Phần đầm ông C sử dụng thuộc phần mương số 1. Khi Nhà nước thu hồi đất, ông B không nhận bất kỳ khoản bồi thường, hỗ trợ nào đối với phần mặt nước và tài sản trên mặt nước. Đối với các tài sản trên mặt nước, sau khi nhận bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước, ông Đỗ Văn C không đầu tư bất cứ khoản nào khác. Ngoài ra, ông Phạm Văn B khẳng định không ký bất kỳ văn bản cho thuê nào với ông Đỗ Văn C.

***Tại Bản án sơ hành chính sơ thẩm số 72/2024/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:***

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 62, 66, 69, 75, 100, 101, 129 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Xử:* Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu Tòa án huỷ Thông báo số 1555/TB-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện C về giải quyết đơn kiến nghị của ông Đỗ Văn C và buộc UBND huyện C thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/8/2024, người khởi kiện ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Người khởi kiện ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và bà V, buộc UBND huyện C xây dựng lại phương án bồi thường hỗ trợ, trong trường hợp không chứng minh được rõ các tài liệu chứng cứ thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại để chúng tôi tiếp tục bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của ông C và bà V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện là UBND huyện C, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 23/12/2022, UBND huyện C ban hành Thông báo số 1555/TB-UBND về việc giải quyết nội dung đơn kiến nghị của ông Đỗ Văn C. Ngày 15/3/2023, UBND huyện C ban hành Thông báo số 160/TB-UBND về kết quả giải quyết đơn kiến nghị của ông Đỗ Văn C. Ngày 28/12/2023,

Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị V là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đối với các đương sự tuy nhiên một số người vắng mặt, đã có văn bản xin xét xử vắng mặt cũng như có biên bản ghi lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Xét kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của người khởi kiện ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, việc xem xét, giải quyết yêu cầu nêu trên có liên quan đến Thông báo số 755/TB-UBND và số 756/TB-UBND về việc thu hồi đất đối với ông Phạm Văn B, Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện C v/v thu hồi đất, Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện C duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp C cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (giai đoạn 2) đối với ông Phạm Văn B và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan; Thông báo số 160/TB-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện C về kết quả giải quyết đơn kiến nghị của ông Đỗ Văn C. Vì vậy, để việc giải quyết vụ án đảm bảo khách quan, toàn diện, Hội đồng xét xử đánh giá tính hợp pháp của toàn bộ các quyết định trên.

[2.2] Ngày 31/12/2020, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện C về việc thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp C cửa ngõ quốc tế Hải Phòng. Cùng ngày, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện C duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng và bảng tổng hợp phương án kèm theo; trong đó, không có tên hộ ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị V.

[2.3] Xét về nguồn gốc đất: Diện tích 12.780,7m<sup>2</sup> bị thu hồi thuộc thuộc đầm hồ T tại xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng, là đất nuôi trồng thủy sản. Hồ Trung Phát ban đầu là hồ trữ nước phục vụ sản xuất muối và tiêu thoát nước cho địa phương. Năm 1990, UBND huyện C giao Ban Quản lý thầu đầm hồ quản lý và ký hợp đồng với các hộ gia đình, cá nhân thuê nuôi trồng thủy sản và phải trả tiền thuê đất hàng năm. Người khởi kiện và người bị kiện thống nhất trình bày ông Phạm Văn P, ông Đỗ An Đ thỏa thuận để ông P đứng tên ký hợp đồng; trên thực tế, mỗi người quản lý, sử dụng một nửa diện tích đầm đã thuê. Căn cứ vào Hợp đồng giao nhận thầu, ông Phạm Văn P là người trúng thầu thể hiện tại Quyết định số 138 QĐ/UB ngày 11/4/1991 về việc giao đầm nước lợ (đầm hồ T) cho cá nhân quản lý sử dụng để nuôi trồng hải sản của UBND huyện C.

[2.4] Người khởi kiện khai rằng ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V đã mua đầm nuôi trồng thủy sản có diện tích khoảng 10.000m<sup>2</sup> (khoảng 01 ha) tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C thành phố Hải Phòng từ ông Đỗ An Đ. Căn cứ vào lời khai, phần trình bày của các bên, căn cứ vào hồ sơ thu hồi đất thực hiện Dự án đường ô tô T - L, xác định ông Đỗ Văn C thực tế có sử dụng diện tích đầm nêu trên để nuôi trồng thủy sản từ khoảng năm 1992 đến hết năm 2014. Ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài Vi bằng số 1995/2022/VB-TPLHBT ngày 11/10/2022 ghi nhận về lời làm chứng của các hộ dân xung quanh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi, không cung cấp được văn bản mua bán diện tích 10.000m<sup>2</sup> đầm nuôi trồng thủy sản tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Ngoài ra, người khởi kiện trình bày, do tranh chấp phát sinh từ năm 2015 nên gia đình ông “*không thể sử dụng để nuôi trồng thủy sản một cách bình thường*”. Căn cứ vào Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND huyện C, UBND thị trấn C, UBND xã Đ liên tục quản lý diện tích đầm hồ T và cho người dân thuê trên cơ sở hợp đồng giao thuê (người đang nhận thuê là ông Phạm Văn B). Từ lời khai, lời trình bày của người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xác định vợ chồng ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị V không còn quản lý, sử dụng đầm hồ để nuôi trồng thủy sản từ thời điểm khoảng năm 2014-2015.

[2.5] Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp C cửa ngõ quốc tế Hải Phòng là dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo Quyết định số 69/2011/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động của khu kinh tế Đ - C - thành phố Hải Phòng và Quyết định số 1438/QĐ-TTG ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đ - C, thành phố Hải Phòng đến năm 2025. Ngày 31 tháng 12 năm 2020, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3440/QĐ-UBND v/v thu hồi đất. Cùng ngày, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3441/QĐ-UBND duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp C cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (giai đoạn 2) đối với ông Phạm Văn B và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, UBND huyện C ban hành các quyết định nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.6] Ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị V không phải là người được Nhà nước giao quyền sử dụng đất, UBND huyện C căn cứ vào Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa



bàn thành phố Hải Phòng ban hành theo Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H; Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H quy định về bảng giá đất Hải Phòng 5 năm (2020-2024) để ban hành Quyết định số 3441/QĐ-UBND duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp C cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (giai đoạn 2) đối với ông Phạm Văn B và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc UBND huyện C ban hành Thông báo số 1555/TB-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện C về giải quyết đơn kiến nghị của ông Đỗ Văn C là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục, nội dung. Các thủ tục về thu hồi đất, thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị V là không có cơ sở. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2024/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị V mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng đã nộp lần lượt tại các biên lai số 0000623 và 0000622 cùng ngày 20/8/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Hà**